

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI  
**CHI NHÁNH LONG THÀNH**

Số: 2082/TTPTQĐ.CNLT-TBT3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thành, ngày 9 tháng 9 năm 2026

V/v Niêm yết công khai Phương án  
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với  
các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức ảnh  
hưởng dự án đầu tư xây dựng đường  
ĐT.770B đoạn qua xã Phước Thái

Kính gửi: UBND xã Phước Thái.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 30/9/2026, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường ĐT 770B, (huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh) đoạn qua xã Phước Thái.

*(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).*

Nay Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND xã Phước Thái niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Phước Thái, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Phước Thái trong

thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND xã Phước Thái quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng kinh tế xã Phước Thái;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật, Sơn, Khanh);
- Lưu: VT (Hường, Phát).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mai Ngọc Thắng**



Long Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2026

## PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường ĐT 770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiệm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập) đoạn qua xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai - Đợt 9

### I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố Đồng Nai sửa đổi, bổ sung phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Chủ trương đầu tư và điều chỉnh Chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5355/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự án xây dựng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường

ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (nay là xã Xuân Bắc, Gia Kiêm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Long Phước, Phước Thái, phường Bình Lộc và phường Xuân Lập).

Căn cứ các thông báo thu hồi đất ngày 23/3/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh đoạn qua xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Phước Thái chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2, 3, 4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT 770B, (huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh) đoạn qua xã Phước Thái - Đợt 7 về việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

## **II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:**

### **1. Bồi thường đất:**

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND.

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND xã Phước Thái chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*).

## **2. Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:**

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND xã Phước Thái chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đồng Nai.

## **3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này (có tính mật độ cây trồng theo quy định của UBND thành phố Đồng Nai).

Đối với các trường hợp thu hồi đất lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên đất có các loại cây trồng được hỗ trợ thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm **nhân với 80%** đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

## **4. Thuởng di dời:**

Thuởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## 5. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất: Căn cứ Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất căn cứ mẫu số 03 do Công an xã Phước Thái xác nhận và mẫu số 04 do UBND xã Phước Thái xác nhận các trường hợp đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Hiện nay, chưa thành lập tổ công tác thực hiện xác minh nghề nghiệp cụ thể từng trường hợp làm cơ sở xác nhận đối với các trường hợp thuộc điểm d khoản 1 điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP (theo nội dung Văn bản số 846/CATP-PV01-PC06 ngày 11/6/2026 của Công an thành phố Đồng Nai về việc hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong mẫu xác nhận số 03 theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND phục vụ công tác bồi thường trên toàn quốc), do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất chưa áp giá hỗ trợ. Sau khi tổ chức xác minh, xác nhận bổ sung đầy đủ nội dung, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung (nếu xác nhận đủ điều kiện).

Đối với các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có Văn bản gửi đến công an Phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

## 6. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

### III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **26 trường hợp/39.923,7 m<sup>2</sup>**
- Tổng diện tích đất thu hồi: **39.923,7 m<sup>2</sup>**. Bao gồm:
  - + Đất nông nghiệp (CLN, BHK, LUC, LUK): **39.862,0 m<sup>2</sup>**.
  - + Đất công do UBND xã quản lý: **61,7 m<sup>2</sup>**
- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **13.151.678.979 đồng**

Trong đó:

- Bồi thường đất: 12.055.497.896 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng: 519.438.316 đồng.
- Thưởng di dời: 132.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 444.742.767 đồng.

*(Đính kèm bảng tổng hợp)*

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai tại UBND cấp xã, Nhà văn hoá ấp 4, 5 và điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong thời hạn 10 ngày, đề nghị UBND - UBMTTQVN xã Phước Thái ghi nhận ý kiến (nếu có) của các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến.

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ dự kiến thuộc dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT 770B, (huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh) đoạn qua xã Phước Thái - Đợt 9.



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

Thuộc dự án: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng đường ĐT 770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh đoạn qua xã Phước Thái (Đình kèm Phương án số /PA-TTPTQD.CNLT-TBT3 ngày tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành).

| STT | Họ và tên                                                                       | Địa chỉ thường trú                                          | Tổng diện tích thu hồi (m2) | Diện tích bồi thường (m²)      |                 |             |                       |                        |               | Đất công | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Thưởng di dời | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|-------------|-----------------------|------------------------|---------------|----------|-----------------------------------------|---------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                                 |                                                             |                             | Tổng diện tích bồi thường (m2) | Phi nông nghiệp | Nông nghiệp |                       |                        |               |          |                                         |               |                                      |         |
|     |                                                                                 |                                                             |                             |                                |                 | Tổng        | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng cây hàng năm | Đất trồng lúa |          |                                         |               |                                      |         |
| 1   | Nguyễn Thị Chính                                                                | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 93,3                        | -                              | 93,3            | -           | -                     | 93,3                   | -             | -        | 27.192.285                              | 4.000.000     | 32.899.697                           |         |
| 2   | Trần Thị Bé Năm                                                                 | đường 14/9 phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                 | 3.824,6                     | -                              | 3.824,6         | 3824,6      | -                     | -                      | -             | -        | 1.214.501.730                           | 11.676.456    | 1.226.178.186                        |         |
| 3   | Huỳnh Trung                                                                     | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 3.644,0                     | -                              | 3.644,0         | -           | -                     | -                      | -             | 3.644    | 903.529.800                             | 153.633.220   | 1.057.163.020                        |         |
| 4   | Đất công do UBND xã quản lý                                                     | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                           | 61,7                        | -                              | -               | -           | -                     | -                      | -             | 61,7     | -                                       | -             | -                                    |         |
| 5   | Phạm Ngọc Bích (chết) - Nguyễn Thị Ngọc Lệ (sử dụng)                            | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 680,9                       | -                              | 680,9           | 680,9       | -                     | -                      | -             | -        | 98.962.500                              | 9.739.770     | 108.702.270                          |         |
| 6   | Nguyễn Nam Thắng (đứng giấy) - Lê Thị Ngọc Dung (sử dụng) - Thửa số 118, tờ 126 | 16/9 đường 59, khu phố 16, phường An Khánh, Tp. Hồ Chí Minh | 25,9                        | -                              | 25,9            | -           | -                     | 25,9                   | -             | -        | 7.886.550                               | 154.301       | 8.040.851                            |         |
| 7   | Phạm Khắc Trung : Võ Thị Thanh Nga                                              | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 686,0                       | -                              | 686,0           | -           | -                     | -                      | 686           | -        | 208.887.000                             | 8.685.273     | 233.572.273                          |         |
| 8   | Nguyễn Kim Thanh (Thửa 62, tờ số 125)                                           | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 1.668,4                     | -                              | 1.668,4         | 1668,4      | -                     | -                      | -             | -        | 508.027.800                             | -             | 508.027.800                          |         |
| 9   | Văng Chú (Thửa số 204, tờ BĐ số 128)                                            | Văng chủ                                                    | 772,2                       | -                              | 772,2           | 772,2       | -                     | -                      | -             | -        | 235.134.900                             | 17.858.662    | 252.993.562                          |         |
| 10  | Văng chủ (thửa đất số 229 tờ bản đồ số 127)                                     | xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                           | 895,0                       | -                              | 895,0           | 895         | -                     | -                      | -             | -        | -                                       | 6.504.826     | 6.504.826                            |         |
| 11  | Trần Văn Thành - Trần Thị Hoa                                                   | ấp 3, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                     | 92,5                        | -                              | 92,5            | 92,5        | -                     | -                      | -             | -        | 97.911.250                              | -             | 97.911.250                           |         |

| STT | Họ và tên                                                                                        | Địa chỉ thường trú                                     | Tổng diện tích thu hồi (m2) | Diện tích bồi thường (m²)      |                 |             |         |                       |                        |               | Đất công | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Thường đi dời | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Chi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|-------------|---------|-----------------------|------------------------|---------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------------|---------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                  |                                                        |                             | Tổng diện tích bồi thường (m2) | Phi nông nghiệp | Nông nghiệp |         |                       |                        |               |          |                                   |                                         |               |                                      |         |
|     |                                                                                                  |                                                        |                             |                                |                 | Tổng        | Tổng    | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng cây hàng năm | Đất trồng lúa |          |                                   |                                         |               |                                      |         |
| 12  | Nguyễn Mạnh Tuấn                                                                                 | ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 342,0                       | 342,0                          |                 |             | 342,0   | 342                   | -                      | -             | -        | 362.007.000                       | -                                       | 16.000.000    | 378.007.000                          |         |
| 13  | Nguyễn Văn Ứng - Nguyễn Thị Đò (đúng giấy) - Nguyễn Huỳnh Yên Nhi (sử dụng) - Thửa số 42, tờ 124 | khu Phước Thuận, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai | 5.057,2                     | 5.057,2                        |                 |             | 5.057,2 | -                     | 5057,2                 | -             | -        | 1.473.920.940                     | 85.912.105                              | -             | 1.559.833.045                        |         |
| 14  | Trương Quốc Hùng (4 thửa)                                                                        | thành phố Hồ Chí Minh                                  | 9.200,3                     | 9.200,3                        |                 |             | 9.200,3 | 7068,6                | 2131,7                 | -             | -        | 2.807.389.950                     | 114.867.718                             | -             | 2.922.257.668                        |         |
| 15  | Trương Quốc Hùng (thửa 54, tờ BD số 127)                                                         | thành phố Hồ Chí Minh                                  | 604,8                       | 604,8                          |                 |             | 604,8   | -                     | 604,8                  | -             | -        | 303.077.376                       | 10.497.244                              | -             | 313.574.620                          |         |
| 16  | Trương Quốc Hùng (thửa 225, tờ BD số 128)                                                        | thành phố Hồ Chí Minh                                  | 3.167,3                     | 3.167,3                        |                 |             | 3.167,3 | -                     | 3167,3                 | -             | -        | 964.442.850                       | 55.095.894                              | 20.000.000    | 1.039.538.744                        |         |
| 17  | Lê Tài - Lê Thị Hào (chết) - Lê Tuấn Căn (đại diện)                                              | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 723,2                       | 723,2                          |                 |             | 723,2   | -                     | 723,2                  | -             | -        | 386.988.180                       | -                                       | 16.000.000    | 402.988.180                          |         |
| 18  | Đinh Văn Loan                                                                                    | ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 390,3                       | 390,3                          |                 |             | 390,3   | -                     | -                      | 390,3         | -        | 123.939.765                       | 1.085.434                               | 12.000.000    | 137.025.199                          |         |
| 19  | Lâm Tấn Phước (đúng giấy) - Phạm Văn Huệ (sử dụng)                                               | phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai                  | 2.636,2                     | 2.636,2                        |                 |             | 2.636,2 | -                     | -                      | -             | 2636,2   | 688.048.200                       | -                                       | 20.000.000    | 708.048.200                          |         |
| 20  | Phạm Văn Huệ                                                                                     | Phù Thạch, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai       | 1.105,3                     | 1.105,3                        |                 |             | 1.105,3 | -                     | -                      | -             | 1105,3   | 288.483.300                       | -                                       | -             | 288.483.300                          |         |
| 21  | Vũ Ngọc Hoàng (Thửa 58, tờ 127)                                                                  | Xã Long Phước, thành phố Đồng Nai                      | 450,8                       | 450,8                          |                 |             | 450,8   | -                     | 450,8                  | -             | -        | 241.382.080                       | 9.036.900                               | 16.000.000    | 266.418.980                          |         |
| 22  | Nguyễn Cường Đình (tranh chấp với thửa đất số 144 tờ bản đồ số 06)                               | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 1.003,0                     | 1.003,0                        |                 |             | 1.003,0 | 1.003                 | -                      | -             | -        | 292.324.350                       | 11.438.984                              | -             | 303.763.334                          |         |
| 23  | Trần Đức Hoạch (Thửa 132, tờ BD số 126)                                                          | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 705,6                       | 705,6                          |                 |             | 705,6   | -                     | 705,6                  | -             | -        | 214.855.200                       | 4.655.720                               | -             | 219.510.920                          |         |
| 24  | Điêu Tho, Thị Gái                                                                                | ấp 5, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai                | 544,2                       | 544,2                          |                 |             | 544,2   | -                     | -                      | -             | 544,2    | 134.934.390                       | 2.027.717                               | 12.000.000    | 148.962.107                          |         |
| 25  | Nguyễn Thanh Hùng                                                                                | ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai                    | 806,8                       | 806,8                          |                 |             | 806,8   | -                     | 806,8                  | -             | -        | 245.670.600                       | -                                       | -             | 245.670.600                          |         |

| STT                                                                                                    | Họ và tên                                 | Địa chỉ thường trú | Tổng diện tích thu hồi (m2) | Diện tích bồi thường (m²)      |                 |             |                       |                        |               |                   | Đất công    | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Thường di dời  | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ | Ghi chú |                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|-------------|-----------------------|------------------------|---------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------------------------|---------|-------------------|
|                                                                                                        |                                           |                    |                             | Tổng diện tích bồi thường (m2) | Phi nông nghiệp | Nông nghiệp |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         | Đất rừng sản xuất |
|                                                                                                        |                                           |                    |                             |                                |                 | Tổng        | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng cây hàng năm | Đất trồng lúa | Đất rừng sản xuất |             |                                         |                |                                      |         |                   |
|                                                                                                        |                                           |                    |                             |                                |                 |             |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         |                   |
| 26                                                                                                     | Ta Văn Vinh (ĐG) - Nguyễn Thành Long (SD) | thành phố Đồng Nai | 742,2                       | 742,2                          | -               | 742,2       | -                     | -                      | -             | 225.999,900       | 14.860,680  | -                                       | 240.860,580    |                                      |         |                   |
| Tổng                                                                                                   |                                           |                    | 39,923,7                    | 39,862,0                       | 16,347,2        | 14,415,5    | 1,169,6               | 7,929,7                | 61,7          | 12,055,497,896    | 519,438,316 | 132,000,000                             | 12,706,936,212 |                                      |         |                   |
| 1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:                                                                    |                                           |                    |                             |                                |                 |             |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         |                   |
| 2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%                                                          |                                           |                    |                             |                                |                 |             |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         |                   |
| Tổng cộng (1+2):                                                                                       |                                           |                    |                             |                                |                 |             |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         |                   |
| Mười ba tỷ, một trăm năm mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, chín trăm bảy mươi chín đồng chẵn |                                           |                    |                             |                                |                 |             |                       |                        |               |                   |             |                                         |                |                                      |         |                   |

